TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **54**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Văn Hòa.
2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/7/2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1985 (đơn đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lưu Bạch H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Vào năm 2007 bà và ông Lưu Bạch H quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2007 ngày 10/5/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến dẫn đến cãi vã, quan điểm sống hoàn toàn không phù hợp. Bà X và ông H đã không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Hiện bà X nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

Thời gian chung sống bà X và ông H có một con chung là: Lưu Gia H, sinh ngày 16/01/2008, hiện đang chung sống với bà X. Bà X yêu cầu được trực tiếp

nuôi dưỡng con chung đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lưu Bạch H, nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà X, đồng thời ông H cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Lưu Bạch H nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị Kim X có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lưu Bạch H và bà Nguyễn Thị Kim X.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X, nhận thấy bà X và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2007 ngày 10/5/2007. Quan hệ hôn nhân của bà X và ông H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống phù phù hợp dẫn đến cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hiện bà X nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông H nên có nguyện vọng ly hôn. Bà X và ông H đã không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Tòa án đã phân tích động viên bà X suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Huệ, nhưng bà X vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim X được ly hôn với ông Lưu Bạch H.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà X và ông H có một con chung là: Lưu Gia H, sinh ngày 16/01/2008, hiện đang chung sống với bà X. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H là muốn được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của

bà X. Hiện bà X có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà X không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà X trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà X trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Xuân được ly hôn với ông Lưu Bạch H.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Gia H, sinh ngày 16/01/2008 cho bà Nguyễn Thị Kim X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Lưu Bạch H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lưu Bạch H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Ông Lưu Bạch H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Gia H của bà Nguyễn Thị Kim X.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim X trình bày tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim X trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà Xuân đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002744, ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà X đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Lưu Bạch H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND phường T, quận P, TP. Hồ Chí Minh.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh